

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Áp dụng cho các khóa Đại học hệ chính quy từ khóa tuyển sinh từ năm 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BVU ngày..... của Hiệu trưởng
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: **Tâm lý học**

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Tâm lý học**

- Tên tiếng Anh: **Psychology**

4. Mã ngành: **7310401**

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

7. Tổng khối lượng học tập: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)

8. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Tâm lý học

- Tên tiếng Anh: Bachelor of Psychology

9. Khoa chủ quản:

- Địa chỉ văn phòng: Phòng 1.103, 80 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu

- Điện thoại liên lạc: +84 254 7305 456 (3121)

- Website: <https://bv.edu.vn/khoa-ngoai-ngu-khoa-hoc-xa-hoi/>

- Email: khoangoaingu-khxxh@bv.edu.vn

10. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Tâm lý học của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, sinh viên có thể làm các công việc cụ thể như:

Nhà tâm lý học đường:

- Làm việc tại các trường học với vị trí phụ trách tâm lý học đường, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện;
- Công việc chính là tham gia vào việc giúp cho những học sinh có thể giải tỏa được những áp lực, khúc mắc trong học tập, cuộc sống từ đó có thể chuyên tâm vào việc học tập đạt thành tích tốt.

Nhà trị liệu tâm lý:

- Làm việc tại các bệnh viện tâm thần, các trung tâm tư vấn, trị liệu tâm lý;
- Công việc của bạn có thể là làm việc độc lập hoặc hỗ trợ cho các bác sĩ tâm thần giúp cho người cần trị liệu phân tích, hiểu và giải quyết những mâu thuẫn tâm lý với người khác cũng như là những khó khăn tâm lý của chính bản thân mình.

Chuyên viên tham vấn:

- Làm việc tại các trung tâm tư vấn, trực các đường dây nóng, tổ chức phi chính phủ...;
- Công việc của bạn là gặp gỡ, trò chuyện giúp cho những người có nhu cầu hiểu, nhận thức được vấn đề của mình và tự tìm cách giải quyết.

Nhà tâm lý học:

- Làm việc ở các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, các trường đại học cao đẳng, các công ty truyền thông...;
- Công việc của nhà tâm lý học cũng rất đa dạng, họ có thể làm công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách liên quan đến tâm lý ứng dụng trong quản trị, kinh doanh, tham gia vào các dự án, tổ chức trong và ngoài nước.

Nhà tư vấn tuyển dụng:

- Làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, bệnh viện...;
- Công việc của bạn là giúp các nhà quản lý doanh nghiệp, tổ chức... đánh giá nhu cầu nhân lực của tổ chức, nghiên cứu để xác định các yêu cầu của vị trí tuyển dụng, lên kế hoạch và thực hiện phỏng vấn tuyển dụng các ứng viên có những đặc điểm phù hợp.

Ngoài ra bạn có thể giảng dạy, nghiên cứu tâm lý trong các trường đại học, cao đẳng, trung tâm, viện nghiên cứu...

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên ngành Tâm lý học theo định hướng ứng dụng:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức bảo vệ Tổ quốc và sức khỏe tốt;
- Có ý thức giữ gìn bảo vệ và phát huy nguồn tài nguyên thiên nhiên và giá trị nhân văn;
- Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản, chuyên sâu cùng kiến thức thực tế cần thiết trong lĩnh vực Tâm lý học;

- Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp;
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu thị trường lao động lĩnh vực Tâm lý học trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ, tin học...
PO2	Trang bị cho sinh viên những nội dung kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành cả về lý thuyết và thực tiễn thuộc lĩnh vực tâm lý học để giải quyết các vấn đề chuyên môn;
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho sinh viên lĩnh vực Tâm lý học;
PO4	Xây dựng cho sinh viên kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực Tâm lý học.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, bảo vệ đất nước.
PO6	Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng trong mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực Tâm lý học.

* *POs: Programme Objectives*

III. CHUẨN ĐẦU RA

Kiến thức	
PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật;
PLO2	Sinh viên có kiến thức về Ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;
PLO3	Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, kiến thức bổ trợ cần thiết để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tâm lý học;
PLO4	Sinh viên có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hoạt động trong lĩnh vực Tâm lý học. Biết được các phương thức chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng, triển khai các hoạt động nghề nghiệp;
PLO5	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Tâm lý học. Hiểu rõ và vận dụng được các quy trình vận hành, quản lý của một cơ sở cung cấp dịch vụ Tâm lý học. Có kiến thức thực tế từ doanh nghiệp qua đó rèn luyện kỹ năng và thái độ để làm việc tại các cơ quan tổ chức thuộc lĩnh vực chuyên ngành;

PLO6	Có thể học lên bậc sau đại học thuộc lĩnh vực ngành Tâm lý học, các ngành phù hợp theo quy định của pháp luật. Nắm bắt định hướng, xu hướng phát triển của ngành Tâm lý học.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint... theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist);
PLO8	Có khả năng giải quyết các tình huống thường gặp trong lĩnh vực nghề nghiệp. Khả năng phân tích nhận diện các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của cơ quan, tổ chức cũng như tham mưu trong công tác hoạch định chiến lược và chính sách hoạt động, lập kế hoạch và quản lý... Có kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp: Thực hiện và quản trị hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ trong lĩnh vực nghề nghiệp;
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm, tìm việc cho mình và cho người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;
PLO10	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Khả năng phân tích, sáng tạo và đánh giá các thông tin để đưa ra quyết định về: Quản trị chất lượng dịch vụ; Kế toán tài chính, Marketing; Quản trị nguồn nhân lực và chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực Tâm lý học.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động thuộc lĩnh vực Tâm lý học;
PLO12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc chuyên môn Tâm lý học. Tuân thủ quy định của luật pháp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường nhằm trau dồi thêm kỹ năng sống và học tập cho mình;
PLO13	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Bản lĩnh, tự tin với kiến thức đã học. Có sự đam mê nghề nghiệp trong lĩnh vực Tâm lý học, tinh thần học tập tự giác cao độ, luôn cập nhật kiến thức và sáng tạo trong học tập thông qua các hoạt động học thuật trong và ngoài trường và không ngừng học tập nâng cao kiến thức chuyên môn.

** PLOs: Programme Learning Outcomes*

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của ngành Tâm lý học thực hiện theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

V. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của ngành Tâm lý học hệ đại học chính quy được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành Tâm lý học tuân thủ theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành</i>	62	
2.2	<i>Học kỳ doanh nghiệp</i>	10	
2.3	<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế</i>	08	
TỔNG CỘNG		120	100%
II. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.</i>			

VII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					9
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
4	0164120600	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
10	0164124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6		
11	0164124349	Giáo dục giới và giới tính	3	3	0	6		
12	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
13	0101122664	Luật lao động	3	2	1	6		
14	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
15	0101123100	Nhập môn ngành Tâm lý học	3	3	0	6		1
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			35					15
16	0164124350	Đạo đức và pháp lý trong tham vấn tâm lý	3	3	0	6		3
17	0101123125	Tâm lý học xã hội	3	3	0	6	0101123100	3
18	0101123168	Tâm lý học phát triển	3	3	0	6	0101123100	3
19	0101123562	Tâm lý học và đời sống	3	3	0	6	0101123100	
20	0101123561	Tâm lý học tích cực	3	3	0	6	0101123100	
21	0101123155	Tâm lý học giao tiếp	3	3	0	6	0101123100	
22	0164123140	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	3	3	0	6	0101123100	3
23	0101123161	Các giá trị và kỹ năng sống	3	3	0	6	0101123100	

24	0101123127	Tâm lý học nhân cách	3	3	0	6	0101123100	3
25	0101123135	Tâm lý học tôn giáo	3	3	0	6	0101123100	
26	0101123870	Tinh thức và Sức khỏe tinh thần	3	3	0	6	0101123100	
27	101124073	Tư duy phản biện	2	2	0	4	0101123100	
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27					12
28	101123149	Tâm lý học tổ chức	3	3	0	6	0101123100	3
29	0101123132	Tâm lý học dạy học và giáo dục	3	3	0	6	0101123100	3
30	0101123128	Tâm lý học quản lý	3	3	0	6	0101123100	3
31	0101123130	Tâm lý học tham vấn	3	3	0	6	0101123100	
32	0101123154	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3	3	0	6	0101123100	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 02 nhóm chuyên ngành sau:</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Tâm lý học ứng dụng								
33	0101123872	Tâm lý học ứng dụng trong quản trị nhân sự	3	3	0	6	0101123100	3
34	0101123873	Tâm lý học ứng dụng cho cuộc sống hiện đại	3	3	0	6	0101123100	
35	101123141	Tâm lý học trị liệu	3	3	0	6	0101123100	
36	101123158	Tâm lý học lâm sàng	3	3	0	6	0101123100	
Nhóm 2: Tham vấn và Trị liệu tâm lý								
33	0101123133	Tâm bệnh học	3	3	0	6	0101123100	
34	101123146	Tham vấn học đường	3	3	0	6	0101123100	
35	0101123144	Trị liệu trẻ em	3	3	0	6	0101123100	3
36	101124074	Trị liệu người lớn	3	3	0	6	0101123100	
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					
37	0101120744	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8	0101123100	
38	0101123712	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6	0101123100	
39	0101123713	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6	0101123100	
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ			8					2
<i>Sinh viên chỉ thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế</i>								
40	0101123464	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>								
40a	101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1

40b	101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	2	1	1	4		1
40c	101124075	Kỹ năng tham vấn tâm lý	2	1	1	4	0101123130	
40d	101124076	Thực hành trị liệu tâm lý	2	1	1	4	0101123158; 0101123141	
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG*			32					
41	0101060029	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh*</i>	8*	5	3	16		
42	0101123628	<i>Giáo dục thể chất*</i>	2*	0	2	4		
43	0101060025	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1*	0	1	2	0101123628	
44	0101123664	<i>Mos Word*</i>	2*	1	1	4	0101123626	
45	0101123665	<i>Mos Excel*</i>	2*	1	1	4	0101123664	
46	0101121911	<i>Mos Powerpoint*</i>	2*	1	1	4	0101123665	
47	0164124313	<i>Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá*</i>	3*	3	0	6		
48	0101123671	<i>Tiếng Anh CĐR 1*</i>	3*	3	0	6		
49	0101123672	<i>Tiếng Anh CĐR 2*</i>	3*	3	0	6	0101123671	
50	0101123673	<i>Tiếng Anh CĐR 3*</i>	3*	3	0	6	0101123672	
51	0101123674	<i>Tiếng Anh CĐR 4*</i>	3*	3	0	6	0101123673	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.</i>								

VIII. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	TC Online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
1	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
2	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	3	0	6		
3	0101123100	Nhập môn ngành Tâm lý học	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 2			16					3
1	0101123664	Mos Word *	2*	1	1	4	0101123626	
2	101124073	Tư duy phản biện	2	2	0	4	0101123100	
3	0164124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá*	3*	3	0	6		
4	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6	0101123622	
5	0101123125	Tâm lý học xã hội	3	3	0	6	0101123100	3
6	0101123155	Tâm lý học giao tiếp	3	3	0	6	0101123100	
HỌC KỲ 3			16					0
1	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123664	
2	0101122664	Luật lao động	3	3	0	6		
3	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
4	0101123161	Các giá trị và kỹ năng sống	3	3	0	6	0101123100	
5	0101123562	Tâm lý học và đời sống	3	3	0	6	0101123100	
6	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	2	0	4		
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					5
1	0101060029	Giáo dục quốc phòng*	8*	5	3	16		

2	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123665	
3	0101122791	Triết học Mác- Lênin	3	3	0	6		2
4	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
5	0101123168	Tâm lý học phát triển	3	3	0	6	0101123100	3
6	0101123561	Tâm lý học tích cực	3	3	0	6	0101123100	
HỌC KỲ 5			20					7
1	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	3	0	6		
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0164124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6		
4	0164123140	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	3	3	0	6	0101123100	3
5	0101123135	Tâm lý học tôn giáo	3	3	0	6	0101123100	
6	0101123127	Tâm lý học nhân cách	3	3	0	6	0101123100	3
7	0101123870	Tinh thức và Sức khỏe tinh thần	3	3	0	6	0101123100	
HỌC KỲ 6			11					1
1	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	3	0	6	0101123671	
2	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
3	0164124349	Giáo dục giới và giới tính	3	3	0	6		
4	0101123130	Tâm lý học tham vấn	3	3	0	6	0101123100	
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			17					7
1	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	3	0	6	0101123672	
2	0164120600	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101122792	1
3	0101123132	Tâm lý học dạy học và giáo dục	3	3	0	6	0101123100	3
4	0101123154	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3	3	0	6	0101123100	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 02 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Tâm lý học Ứng dụng								
5	0101123872	Tâm lý học ứng dụng trong quản trị nhân sự	3	3	0	6	0101123100	3

6	0101123873	Tâm lý học ứng dụng cho cuộc sống hiện đại	3	3	0	6	0101123100	
Nhóm 2: Tham vấn và Trị liệu Tâm lý								
5	0101123133	Tâm bệnh học	3	3	0	6	0101123100	3
6	101123146	Tham vấn học đường	3	3	0	6	0101123100	
HỌC KỲ 8			20					8
1	0101060025	Giáo dục thể chất* 2	1*	1	0	2	0101123628	
2	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6	0101123673	
3	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
4	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4	0101123100	1
5	0101123128	Tâm lý học quản lý	3	3	0	6	0101123100	3
6	0101123149	Tâm lý học tổ chức	3	3	0	6	0101123100	3
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 02 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Tâm lý học Ứng dụng								
7	0101123141	Tâm lý học trị liệu	3	3	0	6	0101123100	
8	101123158	Tâm lý học lâm sàng	3	3	0	6	0101123100	
Nhóm 2: Tham vấn và Trị liệu Tâm lý							0101123100	
7	0101123144	Trị liệu trẻ em	3	3	0	6	0101123100	
8	101124074	Trị liệu người lớn	3	3	0	6	0101123100	
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					0
1	0164124452	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8		
2	0164124466	Văn hóa doanh nghiệp	3	0	3	6	0101123100	
3	0164124436	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6	0101123100	
NĂM THỨ TƯ								
HỌC KỲ 10			11					2
1	0164124350	Đạo đức và pháp lý trong tham vấn tâm lý	3	3	0	6		
2	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16		
<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>								
2a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4	0101123100	1

2b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	2	1	1	4	0101123100	1
2c	0101124075	Kỹ năng tham vấn tâm lý	2	1	1	4	0101123130	
2d	0101124076	Thực hành trị liệu tâm lý	2	1	1	4	0101123158; 0101123141	

Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ của các học phần có ký hiệu () không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra.*

IX. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kì bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				PL O1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	PL O 13
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	4	X										X	X	X
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	5	X										X	X	X
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X										X	X	X
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	X										X	X	X
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	X										X	X	X
6	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	1		X									X	X	X
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	2		X									X	X	X
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3		X									X	X	X
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	4		X									X	X	X
10	0101123678	Tiếng Anh văn phòng A1	5		X									X	X	X
11	0164124349	Giáo dục giới và giới tính	6	X										X	X	X
12	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	1	X										X	X	X
13	0101122664	Luật lao động	7	X										X	X	X
14	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	8			X		X						X	X	X
15	0101123100	Nhập môn ngành Tâm lý học	1			X	X							X	X	X
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
16	0164124350	Đạo đức và pháp lý trong tham vấn tâm lý	1			X	X							X	X	X
17	0101123125	Tâm lý học xã hội	2			X	X							X	X	X
18	0101123168	Tâm lý học phát triển	4			X	X							X	X	X
19	0101123562	Tâm lý học và đời sống	3			X	X							X	X	X
20	0101123561	Tâm lý học tích cực	4			X	X							X	X	X

21	0101123155	Tâm lý học giao tiếp	2			X	X							X	X	X
22	0101123881	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn	5			X	X							X	X	X
23	0101123161	Các giá trị và kỹ năng sống	3			X	X							X	X	X
24	0101123127	Tâm lý học nhân cách	5			X	X							X	X	X
25	0101123135	Tâm lý học tôn giáo	2			X	X							X	X	X
26	0101123870	Tình thức và Sức khỏe tinh thần	5			X	X							X	X	X
27	101124073	Tư duy phản biện	5			X	X							X	X	X

III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

28	101123149	Tâm lý học tổ chức	8			X	X							X	X	X
29	0101123132	Tâm lý học dạy học và giáo dục	7			X	X							X	X	X
30	0101123128	Tâm lý học quản lý	8			X	X							X	X	X
31	0101123130	Tâm lý học tham vấn	6			X	X							X	X	X
32	0101123154	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	7			X	X							X	X	X

*Sinh viên chỉ chọn 01 trong 02 nhóm
chuyên ngành sau:*

Nhóm 1: Chuyên ngành Tâm lý học ứng dụng

33	0101123872	Tâm lý học ứng dụng trong quản trị nhân sự	7			X	X							X	X	X
34	0101123873	Tâm lý học ứng dụng cho cuộc sống hiện đại	7			X	X							X	X	X
35	101123141	Tâm lý học trị liệu	8			X	X							X	X	X
36	101123158	Tâm lý học lâm sàng	8			X	X							X	X	X

Nhóm 2: Tham vấn và Trị liệu tâm lý

33	0101123133	Tâm bệnh học	7			X	X							X	X	X
34	101123146	Tham vấn học đường	7			X	X							X	X	X
35	0101123144	Trị liệu trẻ em	8			X	X							X	X	X
36	101124074	Trị liệu người lớn	8			X	X							X	X	X

IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP

37	0101120744	Thực tập tốt nghiệp	9			X	X	X	X					X	X	X
38	0101123712	Văn hóa doanh nghiệp	9					X	X					X	X	X
39	0101123713	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	9				X	X						X	X	X

V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ

Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

40	0101123464	Khóa luận tốt nghiệp	10			X			X					X	X	X
<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>																
40a	101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10					X	X					X	X	X
40b	101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	10			X	X							X	X	X
40c	101124075	Kỹ năng tham vấn tâm lý	10			X	X							X	X	X
40d	101124076	Thực hành trị liệu tâm lý	10			X	X							X	X	X
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG																
41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	4	X										X	X	X
42	0101123628	Giáo dục thể chất*	1			X								X	X	X
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	8			X								X	X	X
44	0101123664	Mos Word*	2		X									X	X	X
45	0101123665	Mos Excel*	3		X									X	X	X
46	0101121911	Mos Powerpoint*	4		X									X	X	X
47	0164124313	Kỹ năng giao tiếp liên văn hóa*	2			X								X	X	X
48	0101123671	Tiếng Anh CĐR 1*	5		X	X								X	X	X
49	0101123672	Tiếng Anh CĐR 2*	6		X									X	X	X
50	0101123673	Tiếng Anh CĐR 3*	7		X									X	X	X
51	0101123674	Tiếng Anh CĐR 4*	8		X									X	X	X

X. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
1	0101123622	Tiếng Anh giao tiếp	3	Học phần này cung cấp kiến thức ngôn ngữ, giúp người học hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc các chủ đề giao tiếp thường gặp hàng ngày. Học phần này cũng giúp người học sử dụng tiếng Anh thành thạo và lưu loát, hiệu quả hơn trong học thuật, đời sống và trong môi trường làm việc.
2	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	Học phần trang bị kiến thức từ vựng cho người học xoay quanh các chủ đề trong kinh doanh như quy cách đặt hàng và giao hàng, lịch sử hình thành và phát triển của một công ty, các chuyến đi công tác trong và ngoài nước... Các bài học tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế như cách thức viết email hỏi hàng, đặt hàng và trao đổi về thông tin sản phẩm cũng như phép ứng xử, giao tiếp trong kinh doanh, từ đó giúp sinh viên ứng dụng và làm tốt công việc sau này.
3	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	Học phần giúp cho người học nâng cao vốn từ vựng và tình huống giao tiếp trong ngữ cảnh thương mại, xoay quanh các chủ đề như vấn đề văn hoá trong kinh doanh, dịch vụ khách hàng, sản phẩm, đàm phán, cách thức tham dự các buổi triển lãm, hội chợ thương mại trong nước và quốc tế,... Học phần cũng tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế cũng như phép ứng xử trong kinh doanh nhằm giúp người học làm quen và nắm bắt được các kiến thức về thương mại cũng như các kỹ năng cần thiết để có thể vận dụng làm tốt công việc sau này.
4	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	Học phần này giúp người học xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại, doanh nghiệp, thị trường như kỹ năng làm việc nhóm trong công ty, nghiên cứu và đề ra chiến lược phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường kinh doanh.... Học phần cũng giúp người học trải nghiệm thực tế,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				vận dụng kiến thức được trang bị để giao tiếp, đàm phán, ứng xử, giải quyết các tình huống trong kinh doanh thông qua các bài học về hội thảo doanh nghiệp.
5	0101123678	Tiếng Anh văn phòng A1	3	Học phần chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua điện thoại. Học phần giúp người học có cơ hội thực hành kiến thức trước khi bước vào môi trường thực tế thông qua các bài học tạo môi trường giả lập văn phòng để cho người học được trải nghiệm thực tế.
6	0101123679	Tiếng Anh văn phòng A2	3	Học phần này chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở, tiếp nối nội dung học phần Tiếng Anh Văn Phòng A1 như gặp gỡ đối tác, lên kế hoạch tổ chức các họp qua điện thoại, thuyết trình và thảo luận về dự án, soạn thảo thư điện tử yêu cầu thông tin hàng hóa.
7	0101123671	Tiếng Anh CĐR 1*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, lối sống, con người, thực phẩm...</i>
8	0101123672	Tiếng Anh CĐR 2*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngày lễ, giao thông, sức khỏe, trải nghiệm...</i>
9	0101123673	Tiếng Anh CĐR 3*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, công việc, thư giãn, và giữ gìn sức khỏe...</i>
10	0101123674	Tiếng Anh CĐR 4*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan đến những thay đổi</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>trong cuộc sống, thế giới tự nhiên, xã hội, công nghệ...</i>
11	0101123626	Tin học văn phòng	3	Học phần cung cấp: Kiến thức về Hệ điều hành Windows, quản lý thông tin trong Windows, các dịch vụ Internet và WWW; Kiến thức trong việc sử dụng phần mềm Microsoft Office Word để soạn thảo và định dạng một văn bản theo mẫu chung của Trường đến báo cáo, tiểu luận, luận văn,...; Kiến thức trong việc sử dụng phần mềm Microsoft Office Excel để giải quyết các công việc có liên quan đến bảng tính và phân tích dữ liệu;
12	0101123664	MOS Word*	2*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....</i>
13	0101123665	MOS Excel*	2*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu, làm việc với công thức và in ấn các trang tính Excel đến việc sử dụng các công cụ của Microsoft Office Excel để trình bày, phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.</i>
14	0101121911	MOS Powerpoint*	2*	<i>Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho người học những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài thuyết trình lôi cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
15	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Học phần giới thiệu đến sinh viên văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để chủ động hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đa văn hóa và định hướng quốc tế.
16	0101123711	Kỹ năng Giao tiếp và giải quyết vấn đề *	3*	<i>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, kỹ năng giải quyết vấn đề, ứng xử trong phỏng vấn. Thông qua các khái niệm, các công cụ, phương pháp trong giao tiếp cơ bản sẽ giúp cho sinh viên dần hình thành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề và biết cách vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả.</i>
17	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hóa và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.
18	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi về quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
19	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời Hình thái kinh tế Cộng sản Chủ nghĩa, những vấn đề Chính trị - Xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng Xã hội Chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
20	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời cầu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
21	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội: Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam. Học phần giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
22	0101122664	Luật lao động	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về những vấn đề như: Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động; Nội dung của quan hệ lao động; Các vấn đề về việc làm và học nghề; Các quy định và yêu cầu liên quan đến vấn đề tuyển dụng lao động và giao kết hợp đồng; Các quy định và nội dung về bảo hiểm xã hội Các vấn đề cơ bản về bồi thường thiệt hại vật chất trong quan hệ lao động.
23	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	<i>Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...</i>
24	0101060025	Giáo dục thể chất 2 *	1*	<i>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về rèn luyện sức khỏe bằng việc luyện tập nhảy dân vũ. Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần “Giáo dục thể chất”, tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên có cơ hội sinh hoạt tập thể, thắt chặt tinh thần đoàn kết, tích lũy kiến thức, thực hành các kỹ năng được trang bị trong chương trình học tập ngoại khóa với</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>các bài nhảy nhiều màu sắc khác nhau, thể hiện tính sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, sự tự tin tham gia các hoạt động tập thể của sinh viên trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu. Tập nhện động tác theo các hướng; Tập động tác không có nhạc; Tập động tác kết hợp với nghe nhạc.</i>
25	0101060029	Giáo dục quốc phòng *	8*	<i>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</i>
26	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các cơ chế, cấu trúc, quy định, điều hành và kiểm soát doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên xác định quy mô, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên trong doanh nghiệp và áp dụng được các kiến thức bài học cho định hướng nghề nghiệp tương lai.
27	0101123100	Nhập môn Tâm lý học <i>Introduction to Psychology</i>	3	Học phần này được xây dựng này sẽ giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan về Khoa học tâm lý và tính ứng dụng thực tế của lĩnh vực khoa học này trong đời sống thực tiễn, cụ thể: - Giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phần nào lý giải được cơ sở nền tảng của các hiện tượng tâm lý; - Sinh viên có cơ hội được tham gia các chuyên đề, thực tế trải nghiệm việc ứng dụng những thành tựu của khoa học tâm lý vào đời sống thực tế của bản thân và xã hội. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên có được bức tranh tổng thể về ngành, thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó và có thể tự định hướng, chủ động tìm hiểu nghiên cứu để phát triển bản thân trên con

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				đường nghề nghiệp mà mình đã tin tưởng lựa chọn.
28	0101123125	Tâm lý học xã hội <i>Social Psychology</i>	3	Tâm lý học xã hội bao gồm 5 chương: Chương 1. Những vấn đề chung. Chương 2. Vấn đề về nhóm. Chương 3. Các hiện tượng tâm lý xã hội. Chương 4. Cá nhân và xã hội. Chương 5. Nhân cách trong tâm lý xã hội. Học phần giúp cho sinh viên: - Hiểu rằng các nhóm xã hội khác nhau có đặc điểm tâm lý khác nhau nên cách ứng xử phải khác nhau. - Hiểu các quy luật xuất hiện các hiện tượng tâm lý xã hội, những biến động xã hội và quá trình phát triển của chúng. - Hiểu cơ chế vận hành quan hệ xã hội giữa các cá nhân, giữa các nhóm và chiều hướng phát triển của nhóm. - Hiểu sự vận hành các quan hệ xã hội theo quy luật khách quan, đúng hướng sẽ tạo ra một xã hội phát triển theo chiều hướng tích cực về mọi mặt.
29	0101123168	Tâm lý học phát triển <i>Developmental Psychology</i>	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về lý luận của sự phát triển tâm lý qua từng độ tuổi, các quy luật chung của sự phát triển tâm lý lứa tuổi mầm non và tiểu học. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp những tri thức cụ thể về sự phát triển tâm lý của trẻ em từ giai đoạn sơ sinh, hài nhi, ấu nhi và mẫu giáo, tiểu học với những biểu hiện ở sự phát triển về vận động, nhận thức - ngôn ngữ, tình cảm - nhân cách...
30	0101123562	Tâm lý học và đời sống <i>Applied Psychology</i>	3	Học phần Tâm lý học và đời sống giúp người học đi sâu khai thác rất nhiều chủ đề về tâm lý con người dựa trên kết quả của hàng trăm công trình thực nghiệm do các nhà nghiên cứu tâm lý thực hiện. Đó là những nghiên cứu đáng tin cậy được tập hợp từ nhiều nơi trên khắp thế giới, ở nhiều thời điểm lịch sử cho đến thế kỷ 21, trên nhiều quy mô khác nhau. Các chủ đề tâm lý con người, từ nhận thức đến hành vi chủ quan cũng như tác động của hoàn cảnh, đều được phân tích đầy đủ trong học phần này. Nội dung học phần đem đến những thông tin tổng quát và chuyên sâu giúp người học nghiên cứu các

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				vấn đề tâm lý học trong đời sống hàng ngày một cách có hệ thống và dễ tiếp thu nhất.
31	0101123561	Tâm lý học tích cực <i>Positive Psychology</i>	3	Học phần Tâm lý học tích cực giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tâm lý học tích cực, các cách thức nhà tâm lý học tích cực sử dụng để nâng cao điểm mạnh nơi con người như lòng biết ơn, vị tha, dũng cảm, khiếu hài hước, kiên nhẫn, sáng tạo, sự thấu cảm. Qua đó có thể nhận ra một số thông tin liên quan tới vấn đề tâm lý mà bản thân hoặc người thân, bạn bè đang phải đối diện. Vượt lên giới hạn của một khoa học thuần túy, tâm lý học tích cực gợi mở con đường hướng tới cuộc sống hạnh phúc và an lạc đích thực, cuộc sống dựa trên trí tuệ, lòng nhân ái và ý thức về cái tôi.
32	0101123155	Tâm lý học giao tiếp <i>Communication Psychology</i>	3	Học phần Tâm lý học giao tiếp gồm 6 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, học thuyết, ý nghĩa lập luận phương pháp giao tiếp mối quan hệ giao tiếp và hoạt động trong tâm lý học giao tiếp. Chương 2: Trình bày khái quát về khái niệm, đặc điểm cơ bản và chức năng của giao tiếp. Chương 3: Trình bày khía quát về các loại phương tiện, cách thức phân loại và kênh giao tiếp. Chương 4: Trình bày khái quát về mục đích, trạng thái, sự tương tác tâm lý, thủ thuật tâm lý trong giao tiếp. Chương 5: Trình bày khái quát về phong cách giao tiếp và mối quan hệ giữa phong cách giao tiếp với nhân cách. Chương 6: Trình bày khái quát về các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp cơ bản. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể nắm những đặc trưng tâm lý trong các mối quan hệ, ứng xử của con người với nhau trong xã hội. Bao gồm các nguyên tắc, kỹ năng, mục đích, phương tiện,... ứng xử nói chung, sự tương tác giữa các chủ thể trong hoạt động sống cùng nhau trong xã hội.
33	0101123881	Tâm lý học hành vi lệch chuẩn <i>Psychology of deviant behavior</i>	3	Học phần Tâm lý học Hành vi lệch chuẩn bao gồm 5 chương. Chương 1: Nhập môn Tâm lý học hành vi lệch chuẩn. Chương 2: Định dạng và mức độ hành vi lệch chuẩn. Chương 3: Các nguyên nhân bên trong của hành vi lệch chuẩn. Chương 4: Các nguyên nhân bên ngoài của hành vi lệch chuẩn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				Chương 5: Xây dựng chuẩn hành vi trong quan hệ toàn cầu hoá. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững những kiến thức cơ bản về phương pháp tiếp cận lĩnh vực tâm lý học hành vi lệch chuẩn nói chung và các phương pháp giúp nhận dạng cũng như các định hướng ban đầu trong việc điều chỉnh hành vi lệch chuẩn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên định hướng tìm hiểu và so sánh các chuẩn hành vi chính trong môi trường toàn cầu hoá hiện nay.
34	0101123161	Các giá trị và kỹ năng sống <i>Life Skills and Values</i>	3	Học phần trang bị cho sinh viên những giá trị sống cơ bản từ đó giúp sinh viên hình thành các kỹ năng xây dựng những giá trị thiết yếu trong cuộc sống như: Hòa bình, tôn trọng, yêu thương, trung thực, khoan dung và hạnh phúc...
35	0101123127	Tâm lý học nhân cách <i>Personality Psychology</i>	3	Học phần Tâm lý học nhân cách gồm 5 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về lịch sử, ý nghĩa, khái niệm của tâm lý học nhân cách. Chương 2: Trình bày khái quát về các quan niệm và học thuyết về tâm lý học nhân cách. Chương 3: Trình bày khái quát về khái niệm, các kiểu cấu trúc nhân cách theo quan niệm của phương Tây, Liên xô (cũ), Việt Nam. Chương 4: Trình bày khái quát về khái niệm, vai trò, đặc điểm, cấu trúc, tính chất, phân loại và mối quan hệ của những thuộc tính điển hình của nhân cách. Chương 5: Trình bày khái quát về yếu tố đánh giá, động lực thúc đẩy, cơ chế tâm lý, các giai đoạn hình thành và phát triển tâm lý nhân cách.
36	0101123135	Tâm lý học tôn giáo <i>Psychology of religion</i>	3	Học phần tập trung vào khía cạnh tâm lý của vấn đề tôn giáo, cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý tôn giáo. Qua đó hình thành quan điểm khoa học về hiện tượng tâm lý tôn giáo, ứng dụng tri thức tâm lý học tôn giáo vào việc phát huy và điều chỉnh thế giới tâm lý của con người, tổ chức quản lý con người, hướng vào lợi ích xã hội và nâng cao chất lượng sống cho con người.
37	0101123870	Tinh thức và Sức khỏe tinh thần	3	Học phần này giúp xây dựng ở người học những hiểu biết và lối sống tinh thức từ góc nhìn khoa học trong mối liên hệ với việc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
		<i>Mindfulness and Mental health</i>		chăm sóc sức khỏe tinh thần; giúp hình thành lối sống với sự tập trung chú ý vào những gì đang diễn ra trong và ngoài bản thân, từng khoảnh khắc, không phán xét. Cụ thể như kỹ năng quan sát suy nghĩ, cảm xúc và cảm giác của vị giác, xúc giác, khứu giác, thị giác và âm thanh, cũng như nhận thức được những gì đang diễn ra trong môi trường xung quanh mình. Từ đó, giúp nâng cao năng lực hiểu biết, làm chủ bản thân hướng tới hoàn thiện đời sống tinh thần của bản thân và những người xung quanh.
38	0101124073	Tư duy phản biện <i>Critical thinking</i>	2	Học phần Tư duy phản biện được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện các tình huống có vấn đề, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, tổng hợp, so sánh, đánh giá các tình tiết, giải quyết, ra quyết định về các vấn đề một cách đúng đắn, rõ ràng, chủ động, sáng tạo, khách quan và hiệu quả. Trên cơ sở này, sinh viên có thể phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót khi học tập, làm việc trong ngành nghề của mình cũng như các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống. Qua đó sinh viên có thể vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc và những kỹ năng tư duy, lập luận để giải quyết những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm.
39	0101123149	Tâm lý học tổ chức <i>Organizational Psychology</i>	3	Học phần nghiên cứu những đặc trưng tâm lý trong các tổ chức cũng như các mối quan hệ xã hội của con người trong tổ chức: bao gồm các mục đích, nguyên tắc, phương pháp, kỹ năng, phương tiện,... sử dụng trong quá trình tổ chức, sự tương tác giữa các chủ thể trong hoạt động tổ chức, ngoài ra còn có các nội dung về vấn đề xây dựng văn hóa trong tổ chức như một nội dung rất quan trọng trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.
40	0101123132	Tâm lý học dạy học và giáo dục <i>Psychology of teaching and education</i>	3	: Học phần Tâm lý học dạy học và giáo dục bao gồm 6 chương. Chương 1: Khái quát về tâm lý học dạy học và giáo dục. Chương 2: Những cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học. Chương 3: Cơ sở tâm lý của việc lĩnh hội khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo. Chương 4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ. Chương 5. Tâm

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				lý học giáo dục đạo đức. Chương 6. Tâm lý học nhân cách người thầy giáo. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững các khái niệm liên quan đến hoạt động dạy và hoạt động học, giới thiệu một số thuyết về dạy học, bàn về cơ sở tâm lý của việc tổ chức hoạt động dạy học như: hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo cho học sinh. Chỉ ra quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ, cấu trúc nhân cách và những phẩm chất, năng lực của giáo viên trong nhà trường phổ thông hiện nay.
41	0101123128	Tâm lý học quản lý <i>Managerial Psychology</i>	3	Học phần này bao gồm 6 chương. Chương 1: Trình bày các khái niệm, đặc điểm, đặc trưng của hoạt động quản lý và Tâm lý học Quản lý. Chương 2: Trình bày khái quát về đối tượng của quản lý, mục tiêu tâm lý của các tác động quản lý vào cá nhân, những vấn đề tâm lý cá nhân trong hoạt động quản lý. Chương 3: Trình bày khái quát về tác động của tập thể lao động trong hoạt động quản lý và các vấn đề tâm lý xã hội trong công tác quản lý tập thể. Chương 4: Trình bày những yếu tố hình thành nên nhân cách của người quản lý. Chương 5: Trình bày khái niệm, các nguyên tắc, kỹ năng, hình thức giao tiếp trong quản lý. Chương 6: Trình bày khái niệm, cấu trúc xã hội – tâm lý của tổ chức và những vấn đề tâm lý trong công tác cán bộ. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho sinh viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.
42	0101123130	Tâm lý học tham vấn <i>Counseling Psychology</i>	3	Tâm lý học tham vấn là một chuyên ngành rộng trong tâm lý học ứng dụng trong nghề nghiệp liên quan đến việc sử dụng các nguyên tắc tâm lý để nâng cao và thúc đẩy sự phát triển tích cực, hạnh phúc và sức khỏe tinh thần của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng rộng lớn hơn. Học phần này được xây dựng nhằm giúp người học hình thành những hiểu biết cần thiết về Tham vấn tâm lý, những học thuyết/liệu pháp tâm lý ứng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				dụng cho Tham vấn, những quy chuẩn đạo đức trong Tham vấn, và Quy trình thực hiện hoạt động Tham vấn để có thể hình thành năng lực Tham vấn tâm lý phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
43	0101123154	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học <i>English for Psychology</i>	3	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học là học phần được xây dựng nhằm giúp sinh viên có được vốn ngôn ngữ và năng lực sử dụng tiếng Anh cần thiết để phục vụ cho việc học tập nghiên cứu chuyên ngành Tâm lý học bằng tiếng Anh và có thể học tiếp hay đảm nhận công tác sau này trong môi trường Quốc tế. Nội dung chương trình hướng tới phát triển cho sinh viên cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết thông qua các 9 chủ đề căn bản của chuyên ngành: Unit 1: What is Psychology; Unit 2: Branches of Psychology; Unit 3: Psychology in practice; Unit 4: Psychology and computers; Unit 5: Dreams and personality; Unit 6: Mental disorders: popular myths; Unit 7: Personality; Unit 8: Modern addictions; và Unit 9: With the future in mind.
44a	0101123872	Tâm lý học ứng dụng trong quản trị nhân sự <i>Applied Psychology in Human Resource Management</i>	3	Môn học này giúp sinh viên có cái nhìn cụ thể về những kiến thức Tâm lý mang tính ứng dụng cao trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực, từ đó có thể áp dụng các hiểu biết về Tâm lý vào đời sống thực tiễn cũng như tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề Tâm lý phục vụ cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. Trên cơ sở đó hình thành thái độ xem trọng Tâm lý học ứng dụng như một học phần không thể thiếu trong việc phát triển bản thân và năng lực quản trị nhân lực, có hứng thú học tập tâm lý học và vận dụng tâm lý học vào trong học tập, ứng xử xã hội và công việc giáo dục sau này.
45a	0101123873	Tâm lý học ứng dụng cho cuộc sống hiện đại <i>Psychology Applied to Modern Life</i>	3	Môn học này giúp sinh viên có cái nhìn cụ thể về những học thuyết khoa học tâm lý có tính ứng dụng cao trong cuộc sống hiện đại, từ đó có thể áp dụng các hiểu biết về Tâm lý vào đời sống thực tiễn cũng như tìm hiểu, nghiên cứu các vấn đề tâm lý phục vụ cho hoạt động giáo dục. Trên cơ sở đó hình thành thái độ xem trọng tâm lý học ứng dụng như một học phần không thể thiếu trong việc phát triển bản thân và năng lực nghề nghiệp,

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				có hứng thú học tập tâm lý học và vận dụng tâm lý học vào trong học tập, ứng xử xã hội và công việc giáo dục sau này.
46a	0101123141	Tâm lý học trị liệu - <i>Psychotherapy</i>	3	Tâm lý học trị liệu là học phần được xây dựng và phát triển dựa theo nguồn kiến thức của các môn tâm lý học lâm sàng, khoa học về tâm lý tâm thần, khoa sinh hóa cơ thể học, các môn khoa học về nhân văn và xã hội, và cả những ý tưởng nền tảng tìm thấy trong các phạm trù triết học và tôn giáo. Học phần nhằm đến việc làm tăng trưởng nhân cách một con người theo chiều hướng trưởng thành hơn, chín chắn hơn, và giúp người đó "tự hiện thực hóa bản thân mình". Các mục tiêu chính của tâm lý trị liệu bao gồm: Gia tăng khả năng thấu hiểu bản thân của thân chủ, tìm kiếm giải pháp cho các xung đột, gia tăng sự tự chấp nhận bản thân của thân chủ, giúp thân chủ có những kỹ năng ứng phó hữu hiệu với những khó khăn, giúp thân chủ củng cố một cái "Tôi" vững mạnh, toàn vẹn và an toàn. Học phần trình bày những cách thức can thiệp về mặt tâm lý để đưa thân chủ ra khỏi tình trạng nhận thức, tình cảm hay hành vi bất thường để phát triển nhân cách.
47a	0101123158	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	Tâm lý học lâm sàng là một nhánh của tâm lý học nhằm nghiên cứu sâu các quá trình tâm trí của một cá nhân từ các hành vi bình thường đến bệnh lý; tiến trình này được thực hiện thông qua việc tiếp cận, gặp gỡ với cá nhân, dựa trên các trường hợp cụ thể, bằng phương pháp chuyên biệt. Học phần này tập trung vào các nội dung: Tổng quan về tâm lý học lâm sàng, tâm bệnh học, đánh giá tâm lý, trị liệu tâm lý và tài liệu, các mẫu giấy tờ của nhà tâm lý học lâm sàng.
44b	0101123133	Tâm bệnh học - <i>Psychopathology</i>	3	Học phần Tâm bệnh học bao gồm 5 chương. Chương 1: Những vấn đề chung của tâm bệnh học. Chương 2: Khái quát về tâm bệnh. Chương 3: Các triệu chứng và phân loại tâm bệnh. Chương 4: Các phương pháp thăm khám tâm bệnh. Chương 5: Phòng ngừa và chữa trị tâm bệnh. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững một số rối loạn trong quá trình phát

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
				triển của trẻ em, những tình trạng giới hạn, những rối loạn trong ứng xử và một số rối loạn nặng về tâm lý.
45b	0101123146	Tham vấn học đường <i>School counseling</i>	3	Tham vấn học đường là hoạt động tham vấn chăm sóc sức khỏe tinh thần cho các em học sinh cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi học sinh. Các vấn đề về tâm lý học sinh thường gặp có thể thuộc một trong năm lĩnh vực: Học tập, nhận thức, cảm xúc, hành vi và xã hội. Học phần trình bày lý luận về công tác tham vấn học đường và hướng dẫn thực hành công tác tham vấn học đường ở nhà trường phổ thông.
46b	0101123144	Trị liệu trẻ em - <i>Child Psychotherapy</i>	3	Giới thiệu về Trị liệu tâm lý trẻ em, sự khác biệt với Trị liệu tâm lý ở người lớn, những đòi hỏi ở nhà trị liệu trong xây dựng mối quan hệ trị liệu với trẻ em. Môn học cũng giới thiệu về trị liệu tâm lý trẻ em theo lứa tuổi: trẻ em và vị thành niên. Về kỹ thuật trị liệu, môn học cũng giới thiệu khái quát các trường phái trị liệu. Đặc biệt, môn học giới thiệu sâu về lý thuyết trị liệu gia đình- hệ thống, là liệu pháp được áp dụng rộng rãi hiện nay.
47b	0101124074	Trị liệu người lớn - <i>Adult Psychotherapy</i>	3	Giới thiệu về Trị liệu tâm lý người lớn, sự khác biệt với Trị liệu tâm lý ở trẻ em, những đòi hỏi ở nhà trị liệu trong xây dựng mối quan hệ trị liệu với người lớn. Học phần giúp sinh viên nắm bắt các kỹ thuật trị liệu, khái quát các trường phái trị liệu từ đó hình thành các năng lực thực hành trị liệu cho thân chủ là người lớn.
48	0101120744	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	4	Học phần giúp người học củng cố và mở rộng hệ thống tri thức tâm lý học đã học. Tăng cường, mở rộng hiểu biết về xã hội, hình thành những kỹ năng vận dụng tri thức đã học vào thực tế để định hướng, thực hành giải quyết các vấn đề thực tiễn của Ngành và làm quen với môi trường nghề nghiệp.
49	0101123712	Văn hóa doanh nghiệp <i>Corporate culture</i>	3	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
50	0101123713	Thực hành Kỹ năng nghề nghiệp <i>Vocational Skills Internship</i>	3	Học phần này giúp người học có cơ hội tìm hiểu và tham gia thực hành các kỹ năng nghề nghiệp ở các đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực tâm lý học. Học phần này giúp người học tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học và liên hệ với thực tiễn, tiếp xúc với môi trường thực tế đang hoạt động. Từ đó góp phần nâng cao ý thức học tập và định hướng cho tương lai của người học.
51	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp - <i>Thesis</i>	8	Khóa luận tốt nghiệp ngành tâm lý học là báo cáo nghiên cứu về các đề tài liên quan đến tâm lý hoặc các vấn đề nghiên cứu liên ngành khác. Học phần giúp cho sinh viên có khả năng nắm vững hơn những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành một Đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực tâm lý học.
52	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp <i>Job search and entrepreneurship skills</i>	2	Học phần này giúp người học khái quát được tiến trình tìm kiếm được một công việc mong đợi, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân thông qua việc phân tích được điểm mạnh và hạn chế của bản thân từ các bài trắc nghiệm IQ, EQ, MBTI, v.v.... Sau khi hình dung được quá trình tìm kiếm việc làm, biết được những điểm mạnh, hạn chế và cân nhắc giữa “đam mê” và “thực tế” của bản thân, sinh viên sẽ xây dựng được bảng kế hoạch nghề nghiệp cho riêng mình, làm chủ thời gian, nắm bắt các cơ hội việc làm. Đồng thời, sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tuyển dụng hoàn hảo, tạo được sự thu hút với nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó Học phần cũng giúp cho người học nhận thức về kinh doanh, khởi nghiệp để khuyến khích khả năng tự phát triển của người học về khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực tâm lý học.
53	0101124075	Kỹ năng tham vấn tâm lý <i>Psychological counseling skills</i>	2	Học phần trang bị tri thức về hệ thống các kỹ năng cơ bản của công tác tham vấn tâm lý và chú trọng rèn luyện kỹ năng tham vấn cho người học để định hướng ứng dụng trong công việc tham vấn tâm lý thực tế.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần
54	0101124076	Thực hành trị liệu tâm lý <i>Psychotherapy Internship</i>	2	Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng trị liệu tâm lý thực tế tại các cơ sở trị liệu tâm lý, cụ thể sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động: - Tham quan về hệ thống tổ chức điều trị, đặc biệt là điều trị bằng Tâm lý và các hoạt động phục hồi chức năng tâm thần, tái thích ứng xã hội cho bệnh nhân tâm thần tại bệnh viện. - Thực hành về trắc nghiệm tâm lý: Sinh viên được kiến tập và tiến hành các test tâm lý trên bệnh nhân. - Tham gia vào hoạt động trị liệu tâm lý: + Sinh viên được kiến tập và thực hành trị liệu tâm lý trực tiếp trên thân chủ/bệnh nhân + Sinh viên được kiến tập và thực hành về các kỹ thuật Trị liệu tâm lý trực tiếp trên bệnh nhân.

XI. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XII. Đề cương chi tiết học phần: Đính kèm.

HIỆU TRƯỞNG

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm

P. TRƯỞNG KHOA

PGS.TS.LS Nguyễn Thị Hoài Phương

ThS. Lâm Ngọc Như Trúc